*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

***(Phóng sự, nhật kí)***

***Thời gian thực hiện: 9 tiết***

*(Đọc: 5 tiết; Thực hành tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 1,5 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0,5 tiết)*

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức**

– Khái niệm và đặc điểm của thể loại phóng sự, nhật kí.

– Cách đọc phóng sự, nhật kí.

– Đặc điểm của ngôn ngữ thân mật và cách sử dụng ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.

**2. Về năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự, nhật kí như: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;…

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong VB.

– Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình VB văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân.

– Phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ thân mật và vận dụng vào quá trình giao tiếp.

– Viết được bức thư trao đổi về vấn đề đáng quan tâm.

– Biết tranh luận một vấn đề có nhiều ý kiến trái ngược, có thái độ cầu thị khi tranh luận.

**2.2. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

– Năng lực sáng tạo thể hiện qua việc vẽ tranh và có những kiến giải mới mẻ về VB.

**3. Về phẩm chất:** Trung thực, tôn trọng sự thật.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết ……. VĂN BẢN 1: CON GÀ THỜ - NGÔ TẤT TỐ**

**(Trích phóng sự *Việc làng*)**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

***GV soạn: Nguyễn Thị Thu Hòa***

***Trường THPT Trần Quốc Tuấn, Phú Hòa, Phú Yên***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

– Khái niệm và đặc điểm của thể loại phóng sự, nhật kí.

– Cách đọc phóng sự.

**2. Về năng lực**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự: Tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết.

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong VB.

– Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình VB văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân.

**3. Về phẩm chất**: Trung thực, tôn trọng sự thật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

– Giấy A1 hoặc bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**2. Học liệu**

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– PHT, sơ đồ, bảng biểu tóm tắt đặc trưng của phóng sự, nhật kí, kiểu bài viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Bước đầu nêu được suy nghĩ về chủ điểm của bài học. Nhận biết được nhiệm vụ HT của phần *Đọc*; xác định được thể loại chính của bài học.

**b. Nội dung:** Giáo viên đưa ra nhiệm vụ học tập, HStrả lời.

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS về chủ điểm. Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT của phần *Đọc* và thể loại chính của bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS liệt kê trên giấy ghi chú những từ ngữ thể hiện suy nghĩ của em về cụm từ “Sự thật và trang viết”.  - Cá nhân HS đọc tên thể loại (bên dưới tên chủ điểm), đọc lướt tên các VB trong chủ điểm và trả lời câu hỏi: *Thể loại chính sẽ học ở bài học này và nhiệm vụ HT trong phần Đọc là gì?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS có 3 phút để thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** *:*GV tóm tắt ý kiến của HS, sau đó trình chiếu/ giới thiệu một số hình ảnh về bìa sách phóng sự *Việc làng* (Ngô Tất Tố), *Cơm thầy cơm cô* (Vũ Trọng Phụng), bìa nhật kí *Mãi mãi tuổi hai mươi* (Nguyễn Văn Thạc), hình ảnh của ba tác giả này; từ đó, GV dẫn dắt, giới thiệu về chủ điểm và thể loại chính của bài học. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Bước đầu nhận biết được đặc điểm của thể loại phóng sự, nhật kí.

**b. Nội dung:** HS đọc sgk, điền vào PHT, trả lời câu hỏi và đưa ví dụ theo hướng dẫn của giáo viên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS vềđặc điểm của thể loại phóng sự, nhật kí.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Đọc các mục *Phóng sự*; *Nhật kí*; *Tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí* (SGK, tr. 99 – 100), tìm những điểm giống và khác nhau của phóng sự, nhật kí; sau đó điền vào bảng sau:  **Điểm giống và khác nhau giữa phóng sự, nhật kí**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Phóng sự** | **Nhật kí** | | Giống nhau | … | | | Khác nhau | … | … |   (2) Đọc mục tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí (SGK, tr. 100), trả lời câu hỏi: *Thế nào là phi hư cấu? Vì sao các tác phẩm thuộc loại hình kí coi trọng tính phi hư cấu?*  (3) Đọc mục *Chi tiết, sự kiện hiện thực* ((SGK, tr. 100) và điền thông tin vào cột 1, cột 2 của bảng dưới đây, sau đó, tìm một vài ví dụ trong VB 1 để điền vào cột 3:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khái niệm** | **Tác dụng của việc kết hợp giữa chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, đánh giá của người viết** | **Ví dụ** | | … | … | … |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 2 HS lần lượt thực hiện ba nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện 3 nhóm, mỗi nhóm báo cáo kết quả thực hiện một nhiệm vụ, GV ghi từ khoá trong câu trả lời của HS lên bảng phụ/ màn chiếu.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá nội dung trả lời của HS, sau đó đưa ra gợi ý hướng dẫn hs nắm bắt các tri thức. | **1. Điểm giống và khác nhau giữa phóng sự, nhật kí**  **\* Giống nhau:** Đều thuộc loại hình kí, phản ánh xác thực những hiện tượng của cuộc sống (phi hư cấu).  **\* Khác nhau:**  **- Phóng sự:**  + Người viết phản ánh những sự việc, câu chuyện xảy ra trong xã hội, có tính thời sự, có ý nghĩa với cộng đồng.  + Thể hiện thái độ rõ ràng của người viết đối với sự việc.  + Tác giả thường sử dụng các biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại,...  **- Nhật kí:**  + Người viết ghi lại những sự việc bản thân đã trải qua, những cảm xúc, suy nghĩ của mình.  + Có đánh số ngày, tháng, năm.  **2.** Phi hư cấu là các sự kiện, thông tin xác thực, có thể kiểm chứng. Các tác phẩm thuộc loại hình kí coi trọng tính phi hư cấu bởi nó phản ánh những sự việc, câu chuyện có thật, mang tính thời sự (phóng sự) hoặc nó ghi lại những sự kiện, suy nghĩ, cảm xúc xảy ra trong cuộc sống của người viết (nhật kí).  (3) GV lấy sáu dòng đầu của VB 1 để làm sáng tỏ thế nào là chi tiết, sự kiện hiện thực và tác dụng của việc kết hợp giữa chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, đánh giá của người viết.  - Các chi tiết, sự kiện hiện thực (tên ông chủ nhà trọ, tài sản của ông)  - Trải nghiệm, đánh giá của tác giả (*đáng lẽ cũng là bậc sướng*, *dẫu không phải là tay cự phú nhưng đủ ăn, không phải vay của ai*). |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN *“CON GÀ THỜ”* (Ngô Tất Tố)**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu**

**-** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

**b. Nội dung:** Học sinh đọc bảng ghi chú sgk, tóm tắt ý chính liên quan đến tác giả, tác phẩm; huy động kiến thức nền để trình bày hiểu biết về tục thờ cúng của người Việt.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi trước khi đọc.  - Đọc các bảng ghi chú về tác giả, tác phẩm ở sgk và tóm tắt những ý chính về tác giả, tác phẩm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs làm việc cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV gọi học sinh trả lời, cho hs khác nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv đánh giá câu trả lời của hs; giới thiệu thêm một số thông tin để hs có thể đọc tác phẩm tốt hơn. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: sgk/ 100**  **2. Văn bản : sgk/ 107** |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự như: Tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật).

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết.

**-** Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong VB.

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời câu hỏi, thực hiện điền PHT theo yêu cầu của giáo viên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh cho những câu hỏi ở phần *sau khi đọc*, các PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi 1 hs có giọng đọc tốt đọc minh hoạ một đoạn trong tác phẩm, hướng dẫn các em trả lời các câu hỏi trong quá trình đọc.  \* Các nhóm HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Nhóm 2 HS: Liệt kê trình tự các sự kiện chính được kể trong VB (Câu 2).  (2) Nhóm 5 HS: Xác định ngôi kể, điểm nhìn trong VB, nêu tác dụng của ngôi kể, điểm nhìn (Câu 3).  (3) Nhóm 5 HS: Điền vào bảng sau (Câu 4):   |  |  | | --- | --- | | **Lời miêu tả, lời kể – Lời bàn luận** | **Tác dụng của cách kết hợp miêu tả**  **với trần thuật** | | Ví dụ: |  |   (4) Nhóm 2 HS: điền vào bảng sau (Câu 5):   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết, sự kiện hiện thực** | **Thái độ, đánh giá của người viết** | | .................................................... | …......................................................... |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện 5 nhóm trình bày câu trả lới cho các câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét phần trả lời của các nhóm, hướng dẫn HS trả lời.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **(1) Câu 6:** Nhóm 4 – 5 HS điền vào PHT 1 và chỉ ra sự phù hợp giữa chủ đề, cảm hứng chủ đạo, thông điệp trong VB.  **(2)** **Câu 7**: Nhóm 4 – 5 HS điền vào PHT 2.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2).  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 2 nhóm HS trình bày câu trả lời cho 2 câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, hướng dẫn HS chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 2 HS đọc lại tri thức đọc hiểu về thể loại phóng sự, xem lại câu trả lời cho các câu hỏi 2, 3, 4, 5 và điền vào PHT 3.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm khác nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của thể loại phóng sự qua ngữ liệu *Con gà thờ* dựa vào các gợi ý. | **II. Khám phá văn bản**  **1. *Tìm hiểu tính phi hư cấu, thủ pháp nghệ thuật, sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết trong phóng sự.***  **a. Câu 2:** ông chủ nhà trọ làng V.Đ chọn mua gà ––> nuôi và chăm sóc gà ––> gà bị ốm cùng lúc với mẹ bị ốm nhưng ông chỉ chú tâm chăm sóc gà ––> Đôi gà được chữa trị, cầu khấn, mạnh khoẻ trở lại ––> Luộc gà, đồ xôi, chuẩn bị lễ thần mừng “lên lão”.  **b. Câu 3:** VB được kể ở ngôi thứ nhất bởi nhân vật “tôi”, người kể chuyện, các tình tiết, sự kiện về “ông chủ trọ” được nhìn từ điểm nhìn gần gũi của nhân vật “tôi”, người ở trọ và “ông chủ trọ”. Tác dụng: giúp cho việc trình bày, đánh giá con người, đời sống trong tác phẩm vừa cụ thể, chi tiết, vừa có tính xác thực.  **c. Câu 4:**  **Lời miêu tả, lời kể – Lời bàn luận**  – *Ở làng V.Đ, ông chủ nhà trọ của tôi đáng lẽ cũng là bậc sướng; Ở thôn quê, như vậy cũng là tiên cách;...*  – *Đôi gà mới lạ làm sao! Nó lớn bằng con chim câu và trọc lông lốc như đầu ông sư,....*  **Tác dụng:** Miêu tả giúp lời trần thuật thêm sinh động, đa dạng. Tăng tính nghệ thuật cho văn bản.  **d. Câu 5:**  **Chi tiết, sự kiện hiện thực 1**  *Tuy cũng là nhà làm ruộng, nhưng mà quanh năm chí tối, ông ấy không hề phải đặt cày lên vai. Cho đến những lúc sớm cạn, mạ úa, người ta đánh nhau vỡ đầu vì tranh nhau cái bàu tát nước, ông ấy cũng chỉ đủng đỉnh ra đồng với cái cuốc bổ để xem chỗ nào còn nước, chỗ nào hết nước, đâu nên cấy trước, đâu nên cấy sau, và anh thợ cày có chịu làm việc, hay chỉ ngồi hàng, ngồi quán.*  **Thái độ, đánh giá của người viết:**  *Ấy đó, công việc ông ấy đại khái có vậy; Ở thôn quê, như vậy cũng là tiên cách. Quan bất phiền, dân bất nhiễu, suốt năm lúc nào cũng ung dung.*  **Chi tiết, sự kiện hiện thực 2:**  *Có người bày cho ông ấy nên dùng tỏi tươi giã nhỏ mà bón cho nó. Ông ta nhất định không nghe, cho rằng tỏi tươi là vật uế tạp, nếu cho gà ăn, nó sẽ uế tạp lây đến con gà. Vả chăng, bà vợ ông ấy đã đi mua đồ cúng rồi, nếu lại chữa thuốc cho gà, thì ra mình không tin ở quỷ thần nữa ư! Phải cứ thành tâm tin ở quỷ thần, hễ ngài vuốt ve đi cho thì nó khắc khỏi. Ông ta đáp lại họ mạc, làng nước như vậy.*  **Thái độ, đánh giá của người viết:**  *Nhưng mà ông ta đã bị thất vọng.*  **2. *Tìm hiểu chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản***  **Câu 6:**  - Chủ đề: Hủ tục lễ thần khi người đàn ông đạt tuổi “lên lão” ở làng quê Việt Nam trước kia.  - Cảm hứng chủ đạo: Cảm hứng phê phán, mỉa mai đối với những hủ tục ở làng quê.  - Thông điệp: Không nên mê tín dị đoan, để những hủ tục ảnh hưởng đến đời sống của con người.  **Câu 7:**  **Nghệ thuật phóng sự**   |  | | --- | | Ngôi kể: ngôi thứ 1 | | Điểm nhìn: nhân vật tôi (người trực tiếp chứng kiến câu chuyện). | | Thủ pháp trần thuật, miêu tả: đan xen giữa trần thuật và miêu tả. | | Cách sắp xếp chi tiết, sự kiện: theo tình huống của câu chuyện. |   **3. Khái quát đặc điểm thể loại qua văn bản 1.**  **Đặc điểm của phóng sự:**  **-** Phản ánh xác thực hiện tượng cuộc sống: Tục lễ thần khi lên lão ở làng quê Việt Nam ngày trước.  - Kết hợp chi tiết hiện thực với thái độ, đánh giá của người viết: *“Mỗi con gà đó, từ cổ đến chân có thể cao đến gần hai thước, hai cánh của nó cũng phải đến hơn một thước, tôi không hiểu rằng luộc vào nồi nào cho vừa, nhưng vẫn yên lặng để xem họ làm ra sao.”…*  - Sử dụng biện pháp nghiệp vụ báo chí: điều tra, quan sát. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Nhận xét và đánh giá được những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật củavăn bản.

**b. Nội dung:** HS xâu chuỗi các kiến thức đã học ở trên thảo luận, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn  - Hãy nêu những nét chính về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Con gà thờ.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe GV yêu cầu, thảo luận và trả lời  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**   1. **1. Nội dung**   Kể lại quá trình hai năm ròng rã chọn gà, chăm sóc gà của ông chủ nhà trọ V.Đ để chuẩn bị cho lễ cúng “lên lão”. Đồng thời phê phán, mỉa mai thói mê tín dị đoan cùng những hủ tục lạc hậu ở làng quê.  **2.** **Nghệ thuật**  - Sử dụng phong phú các chi tiết hiện thực cùng với thái độ đánh giá của người viết.  - Sử dụng ngôi kể và điểm nhìn chân thực giúp tăng độ tin cậy của câu chuyện. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**PHT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khái niệm** | | **VB *Con gà thờ*** |
| Chủ đề | Là vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống. | … |
| Cảm hứng chủ đạo | Là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc. | … |
| Thông điệp | Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà tác giả muốn gửi đến người đọc. | … |

**PHT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghệ thuật phóng sự** | | **Nội dung** |
| Ngôi kể |  | – Chủ đề: ....................  – Cảm hứng chủ đạo:  ....…………………….  – Thông điệp: .........… |
| Điểm nhìn |  |
| Thủ pháp trần thuật, miêu tả |  |
| Cách sắp xếp chi tiết, sự kiện |  |

**PHT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm của phóng sự** | **Thể hiện trong VB *Con gà thờ*** |
| Phản ánh xác thực hiện tượng của cuộc sống | .................. |
| Kết hợp chi tiết hiện thực với thái độ, đánh giá của người viết | ................ |
| Sử dụng biện pháp nghiệp vụ báo chí: điều tra | ................ |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về nhân vật ông chủ nhà trọ trong văn bản *Con gà thờ*.

**b. Nội dung:** Những cảm nhận của hs về nhân vật đượckểtrong văn bản.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS viết đoạn văn** (khoảng 150 chữ): Cảm nhận của em về nhân vật ông chủ nhà trọ trong văn bản *Con gà thờ*.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lập dàn ý cho đoạn văn trên lớp, thực hiện viết đoạn ở nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Gọi 1 đến 2 hs trình bày phần dàn ý, các bạn còn lại nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv chấm một số bài, sửa lỗi cho hs. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Viếtsáng tạo.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Hs đóng vai một phóng viên, quan sát và ghi chép lại một hủ tục/ vấn nạn … nào đó đang xảy ra ở địa phương mình. Trong quá trình ghi chép đòi hỏi phải tôn trọng sự thật khách quan đồng thời đưa ra những đánh giá của bản thân đối với vấn đề.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs làm việc theo nhóm.

**B3. Báo cáo thảo luận:** Hs nộp bài và cáo kết quả.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét**.**

**4. Củng cố:**

**5. Hướng dẫn về nhà:**

*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

**(PHÓNG SỰ, NHẬT KÍ)**

**Tiết …… - VĂN BẢN 2:**

**TRÊN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG HÀNH QUÂN – NGUYỄN VĂN THẠC**

**(Trích nhật kí *Mãi mãi tuổi hai mươi*)**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

***GV soạn: Lò Thị Xuyến***

***Trường THPT Mường Lầm, Sông Mã, Sơn La.***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của nhật kí như: yếu tố phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật), sự kết hợp các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết…..

- Phân tích, đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hơp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc và trải nghiệm về cuộc sống, kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ cá nhân.

**2. Về năng lực**

**1.1 Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được những yếu tố đặc thù của thể loại nhật kí.

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các sự kiện, chi tiết, yếu tố phi hư cấu với chủ đề, thông điệp, tư tưởng của tác giả thông qua văn bản

- Vận dụng được những trải nghiệm, kinh nghiệm cá nhân về cuộc sống, về kiến thức văn học để đánh giá, bày tỏ được cảm xúc cá nhân.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cá yếu tố phi hư cấu, các sự kiện, chi tiết.

**1.2 Năng lực chung**

NL giao tiếp và hợp tác: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**3. Về phẩm chất:** Trung thực, tôn trọng sự thật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

– Giấy A1 hoặc bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**2. Học liệu**

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– PHT, sơ đồ, bảng biểu tóm tắt đặc trưng của phóng sự, nhật kí, kiểu bài viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Nội dung: Nhìn ảnh đoán tên anh hùng**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Học sinh quan sát 3 bức tranh về ba người anh hùng và cho biết tên, thời gian các anh hùng đã hi sinh.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh quan sát, nghiên cứu, liên hệ với kiến thức lịch sử  GV quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS đưa ra đáp án, các học sinh khác lắng nghe, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá  ***Giáo viên dẫn dắt vào bài***  Ba hình ảnh mà các bạn vừa đoán là một trong số những anh hùng tiêu biểu của đất nước ta qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, họ là những người con đã hiến dâng cả cuộc đời cho cách mạng để này hôm nay chúng ta được sống trong hòa bình độc lập. Vậy những người lính ấy họ đã để lại dấu ấn gì trên những chặng đường hành quân trong mưa bom bão đạn? Trong tiết học này chúng ta sẽ cùng trở lại chiến trường đầy khốc liệt ấy qua những trang nhật kí đầy chân thực của người chiến sĩ – liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, khi anh đã nằm lại chiến trường ở cái tuổi 20 đẹp nhất. | C:\Users\surfaceZone\AppData\Local\Packages\Microsoft.Windows.Photos_8wekyb3d8bbwe\TempState\ShareServiceTempFolder\861-1627311394826688613437.jpeg  **Phạm Hồng Thái - hi sinh năm 1924 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp để dành độc lập.**  C:\Users\surfaceZone\AppData\Local\Packages\Microsoft.Windows.Photos_8wekyb3d8bbwe\TempState\ShareServiceTempFolder\867-16273113950891616034509 (1).jpeg  **Anh hùng Tô Vĩnh Diện – người anh hùng lấy thân mình chèn pháo hi sinh vào ngày 1/2/1954 trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.**  C:\Users\surfaceZone\AppData\Local\Packages\Microsoft.Windows.Photos_8wekyb3d8bbwe\TempState\ShareServiceTempFolder\869-1627311395162524521037.jpeg  **Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi hi sinh năm 1964 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền cho HS về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ tham gia nghiên cứu bài học của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Trình bày những hiểu biết của bản thân về tác giả Nguyễn Văn Thạc và văn bản (xuất xứ, thể loại)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Sinh năm 1952, quê Tây Hồ, Hà Nội  - Nhập ngũ năm 1971, hi sinh năm 1972 tại chiến trường Quảng Trị  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Trích trong cuốn nhật kí *“Mãi mãi tuổi hai mươi”*  - Thể loại: nhật kí  - Phương thức biểu đạt chính: tự sự. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được những yếu tố của thể loại nhật kí. Thông qua những chi tiết đó hiểu được những ý nghĩa, thông điệp, những nhận thức về sự việc đó của tác giả muốn gửi gắm tới bạn đọc.

**b. Nội dung:** Phiếu học tập, sách giáo khoa, học sinh chắt lọc kiến thức để trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ tham gia nghiên cứu bài học của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Vì sao tuổi xuân được coi là tuổi đẹp nhất trong cuộc đời?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **B3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày sản phẩm, học sinh khác bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi suy luận câu hỏi trong thẻ đọc 1, 2  - Thẻ 1:    - Thẻ 2:    **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung, lắng nghe và bổ sung kiến thức  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **GV chuyển giao nhiệm vụ khác.**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **(Học sinh làm việc cá nhân)**  Chỉ ra những đặc điểm của nhật kí trong văn bản.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung, lắng nghe và bổ sung kiến thức.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập** ( phiếu học tập số 1 – phần phụ lục)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung, lắng nghe và bổ sung kiến thức.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **(Học sinh làm việc cá nhân)**  Theo bạn, văn bản có sử dụng yếu tố hư cấu không? Nếu có hãy nêu ví dụ, nếu không hãy lí giải vì sao?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh báo cáo, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung kiến thức.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm thảo luận câu hỏi theo phiếu học tập số 2**      **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ theo phiếu học tập số 2 GV cung cấp.  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh báo cáo, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung kiến thức.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **(học sinh làm việc cá nhân)**  Cảm hứng chủ đạo được thể hiện qua văn bản là gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh báo cáo, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung kiến thức.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **(học sinh làm việc cá nhân)**  Nhận xét về cái “tôi” của tác giả được thể hiện qua văn bản?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh báo cáo, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung kiến thức.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **II. Khám phá văn bản**  **1. Trước khi đọc**  Tuổi thanh xuân là thời gian của sự trẻ trung và nhiệt huyết, là khoảng thời gian để con người học tập, rèn luyện, để chinh phục những ước mơ, khát vọng để làm nền tảng cho cuộc đời – Đây được coi là khoảng thời gian làm bệ phóng cho tương lai.    **2. Trong khi đọc**  **2.1 Thẻ đọc 1**  **-** Cảm giác vui sướng, tự hào, xúc động và không luyến tiếc khi thay “màu áo trắng cánh cò” bằng màu xanh áo lính.  - Tác giả cảm nhận rõ hơn trách nhiệm của bản thân trước gia đình, bạn bè, người yêu, và tổ quốc từ đó thấy bình yên và nhẹ nhõm hơn trong tâm hồn dù mỗi ngày đều đối mặt với cuộc chiến khốc liệt.  **2.2. Thẻ đọc 2**  - Bối cảnh cuộc hành quân được miêu tả là khắc nghiệt và đầy thách thức: nhận ra mình đã đến gần đất lửa…gần đến đất Nghệ An thì bị ném bom…  - Xen lẫn khoảnh khắc bình yên: nhận ra nhà thầy giáo dạy Toán, nhận ra đất học Nghệ An…  -> Chàng trai là người nhiệt huyết, trong bối cảnh tàn khốc nhất vẫn nhận ra được nét yên bình, dù có chút lo lắng căng thẳng trong cuộc hành trình: *liệu có đi đến Vinh được bằng ô tô không?...*  **3. Suy ngẫm và phản hồi**  **3.1. Đặc trưng thể loại được thể hiện trong văn bản.**  **a. Đặc điểm của thể loại nhật kí thể hiện trong văn bản.**  - Những sự việc, sự kiện được ghi chép cẩn thận.  - Có địa điểm cụ thể: *Nghi Lộc – Nghệ An….*  - Có thời gian cụ thể: *ngày tháng năm: 2/10/1971, 10/4/1972, 12 giờ trưa 9.4.1972*  - Có yếu tố phi hư cấu:  + Dừng chân ở ga phố Tráng.  + Tập trung nghe tin chiến thắng từ miền Nam.  - Sử dụng ngôn ngữ thân mật: *Xe ơi, gửi hộ nhé, gửi hộ nhé, Ừ, chết làm sao được cơ chứ….*    **b. Các chi tiết xác thực trong văn bản**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Các chi tiết có tính xác thực** | **Minh chứng** | **Tác dụng** | | 1 | Địa danh | - Nghi Lộc – Nghệ An, ga Quán Hành, Cửa Việt, Ninh Bình, thành phố Vinh….. | - Làm tăng tính xác thực, gần gũi, thân thuộc với bạn đọc.  - Giúp người đọc cảm nhận được sự khốc liệt của chiến tranh. Đồng thời cảm nhận được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của anh lính trẻ. | | 2 | Con người | - Thầy Khang dạy Toán 2, mẹ Thung, bé Hòa, cô Kim Loan sinh viên sư Phạm đại học Vinh…. | | 3 | Thời gian | 2/10/1971, 10/4/1972, 4 giờ sáng đã dậy nấu cơm, | | 4 | Sự kiện | - “... cả cái địa chỉ của cô Kim Loan treo trên góc tường, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Vinh cũng nói được phần nào những đặc điểm ấy.”  - “D3 tập trung nghe tin chiến thắng của miền Nam, ta đã chiếm hoàn toàn cảng Cửa Việt - và cùng Đồng bằng sông Cửu Long đang ào ào khí thế nổi dậy của hàng chục vạn đồng bào."  - “...có ngày bắn rơi 10 máy bay, có hai chiếc B.52…”  - “Báo cho những người thân của chúng tôi rằng, chúng tôi đã xa Hà Nội lúc ấy là 12 giờ trưa 9.4.72” |   **c. Yếu tố phi hư cấu trong văn bản**  Văn bản trên không sử dụng yếu tố hư cấu bởi tất cả các sự kiện đều có thật trong đời sống, có thể kiểm chứng. Các sự kiện được kể gắn với dòng hồi tưởng của người viết: quyết định tham gia quân ngũ → ngày chia tay bạn bè để lên đường vào chiến trường → cảm xúc khi vào quân ngũ → những trải nghiệm khi hành quân → khoảnh khắc hiện tại.  **d. Các biện pháp tu từ trong đoạn văn**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Biện pháp nghệ thuật** | **Minh chứng** | **Tác dụng** | | 1 | So sánh | -"Buổi gác đầu tiên là đêm trăng sáng, là bài thơ, là một trang nhật kí" | - So sánh đêm trăng sáng với bài thơ, trang nhật kí để làm nổi bật vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của đêm.  - Gợi cảm giác lãng mạn, bâng khuâng, xúc động của nhân vật "tôi".  - Làm cho câu văn gợi cảm, dễ đi vào lòng người. | | 2 | Nhân hóa | - "Ơi xóm làng yêu quý" | - Hình ảnh vô tri trở nên có hồn, sinh động qua cách gọi của người lính trẻ. | | 3 | Điệp ngữ | - "Ngủ yên, ngủ yên" | - Như lời vỗ về, nhằm nhấn mạnh niềm mong mỏi làng quê bình yên. | | 4 | Điệp ngữ kết hợp với liệt kê | Bưởi đã cuối mùa, ổi đã cuối mùa | - Tăng tính biểu cảm cho đoạn văn.  - Giúp người đọc thấy được thiên nhiên đang chuyển động, báo hiệu mùa quả ngọt đang về. |   **3.2. Cảm hứng chủ đạo của văn bản và cái “tôi” của tác giả.**  **a. Cảm hứng chủ đạo**  Xúc động bồi hồi khi nhớ về ngày chia tay bạn bè lên đường tham gia kháng chiến cùng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc và niềm tin chiến thắng.  **b. Cái “tôi” của tác giả**  Cái “tôi” của tác giả nhật ký thể hiện sự trưởng thành, sự suy tư sâu sắc và tình cảm mãnh liệt đối với đất nước qua chính những trải nghiệm từng sự kiện chiến đấu của tác giả. Đồng thời cũng phản ánh tâm trạng chung của thế hệ trẻ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Học sinh khái quát được nội dung, nghệ thuật chủ đạo của văn bản chủ đạo của văn bản.

**b. Nội dung:** SGK, học sinh chắt lọc kiến thức bài học để nêu nội dung chính của văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và thái độ học tập, nghiên cứu bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Tóm tắt nội dung kiến thức chính của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Học sinh báo cáo, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung kiến thức  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh, cho điểm với những câu trả lời chất lượng.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nêu những nét nghệ thuật tiêu biểu của văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Học sinh báo cáo, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung kiến thức  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh, cho điểm với những câu trả lời chất lượng. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Thể hiện những trải nghiệm, ghi chép của tác giả khi hành quân qua địa phận Nghi Lộc – Nghệ An với lòng tự hào khi đứng trong quân ngũ và lòng yêu nước mãnh liệt.  **2. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất tạo sự chân thực, gần gũi.  - Giọng văn nhẹ nhàng, nhiều cảm xúc với những hình ảnh, từ ngữ mang tính biểu tượng cao: màu áo xanh, áo trắng cánh cò...  - Vận dụng linh hoạt, các thủ pháp nghệ thuật như: so sánh, ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ, liệt kê... làm cho lời văn chân thực, sinh động hấp dẫn. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Phiếu học tập số 1. Chỉ ra các chi tiết có tính xác thực và nêu tác dụng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các chi tiết có tính xác thực** | **Minh chứng** | **Tác dụng** |
| 1 | Địa danh |  |  |
| 2 | Con người |  |
| 3 | Thời gian |  |
| 4 | Sự kiện |  |

**Phiếu học tập số 2. Chỉ ra các biện pháp tu từ và nêu tác dụng trong đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Biện pháp nghệ thuật** | **Minh chứng** | **Tác dụng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| …… |  |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Sát hạch lại kiến thức bài học mà học sinh đã tiếp thu.

**b. Nội dung:** GV xây dựng các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời và thái độ tham gia học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu 1. Trên đường hành quân, tác giả đã gặp người nào?**  A. Bạn học cũ  B. Đồng đội cũ  C. Người cùng quê  D. Thầy Khang dạy Toán 2  **Câu 2. Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn:** *“Bây giờ ta đọc trong ngôi sao ấy, ánh lửa cầu vồng của trận công đồn, màu đỏ của lửa, của máu…Ta như thấy trong màu kì diệu ấy, có cả hồng cầu của trái tim ta”*  A. Làm cho câu văn trở nên sinh động hấp dẫn.  B. Nhấn mạnh vẻ đẹp của ngôi sao.  C. Làm cho câu văn trở nên sinh động hấp dẫn, nhấn mạnh cảm xúc lo lắng của tác giả.  D. Làm cho câu văn trở nên sinh động hấp dẫn, lột tả được cảm xúc hạnh phúc, tự hào và ý chí quyết tâm chiến đấu của tác giả.  **Câu 3. Những địa danh được nhắc đến trong văn bản là:**  A. Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình  B. Ga Quán Hành, Nghi Lộc – Nghệ An, Hà Nội, ga Phố Tráng.  C. Hà Nội, Hà Nam, Nghệ An, Ninh Bình  D. Miền Nam, Hà Nội, Bắc Ninh.  **Câu 4**. **Cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản:**  A. Lo lắng, sợ hãi  B. Tự hào, cảm động, sục sôi ý chí chiến đấu.  C. Nhớ nhung quê hương  D. Chán nản, mệt mỏi  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | Đáp án  Câu 1. D  Câu 2. D  Câu 3. B  Câu 4. B |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu cảm nghĩ hoặc vẽ bức tranh “anh bộ đội đứng gác”

**b. Nội dung:** HS vận dụng trí tưởng tượng và các kĩ năng hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài viết hoặc bức tranh của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình nêu cảm nghĩ của anh/chị về tác giả, hoặc vẽ bức tranh “anh bộ đội đứng gác”

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo thảo luận**

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

**(PHÓNG SỰ, NHẬT KÍ)**

**Tiết ……… - VĂN BẢN 3: NGÕ TRÀNG AN – VÂN LONG**

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

***GV soạn: Nguyễn Ngọc Pha***

***Trường THPT Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

– Nhận biết được một số nội dung chính của VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Con gà thờ, Trên những chặng đường hành quân…, Cái giá trị làm người* để hiểu rõ hơn về chủ điểm Sự thật và trang viết.

– Nhận biết được bên cạnh sự thật của hiện thực cuộc sống còn có sự thật của nội tâm con người.

**2. Về năng lực**

**1.1 Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được những trải nghiệm, kinh nghiệm cá nhân về cuộc sống, về kiến thức văn học để đánh giá, bày tỏ được cảm xúc cá nhân.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cá yếu tố phi hư cấu, các sự kiện chi tiết.

**1.2 Năng lực chung**

NL giao tiếp và hợp tác: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**3. Về phẩm chất:** Trung thực, tôn trọng sự thật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

– Giấy A1 hoặc bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**2. Học liệu**

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– PHT, sơ đồ, bảng biểu tóm tắt đặc trưng của phóng sự, nhật kí, kiểu bài viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung: Nhìn ảnh đoán tên tác giả**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Học sinh quan sát 1 bức tranh về cho biết tên và tập thơ của ông.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh quan sát, liên hệ  GV quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS đưa ra đáp án, các học sinh khác lắng nghe, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá | https://thanhnien.mediacdn.vn/Uploaded/hoangnam/2022_05_07/nha-tho-van-long-anh-p-v-5560.jpg  Vân Long ( 1934- 2022), nhà thơ đồng thời là tác giả của nhiều chân dung văn học; một số tập thơ của ông: Vào thu, Dưới là xanh, Những khối hình câm. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nét thông tin cơ bản về văn bản ***Ngõ Tràng An- Vân Long***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về nét thông tin cơ bản của văn bản ***Ngõ Tràng An- Vân Long***

**c. Sản phẩm học tập:** Nét thông tin cơ bản về văn bản ***Ngõ Tràng An- Văn Long*** mà HS tiếp thu được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu nguồn dẫn và nội dung chính; bố cục của VB ***Ngõ Tràng An- Vân Long*** theo phiếu học tập số 1***.***  **PHIẾU HỌC TẬP 01: Tìm hiểu chung**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **1. Nêu xuất xứ văn bản** |  | | **2. Nêu nội dung văn bản** |  | | **3. Nêu bố cục văn bản** |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Xuất xứ:**  ***Ngõ Tràng An*** viết 5/1988trích từ “Thơ với tuổi thơ” của Vân Long  **2. Nội dung**  Toàn bài thơ là sự đan xen độc đáo giữa những hình ảnh của quá khứ và hiện tại, tạo ra hai khung cảnh: xưa, nay; hai hình ảnh của nhân vật “tôi”: *tôi ngày bé* và *tôi bây giờ*. Sự mờ nhoè của hiện tại và quá khứ, góp phần thể hiện sự tiếc nuối quá khứ, sự soi chiếu những giá trị của quá khứ từ hiện tại.  **3. Bố cục**   Bố cục:   * Phần 1 (Tôi thả bước... thời thơ bé): Tâm trạng “Tôi” dan xen độc đáo giữa những hình ảnh của quá khứ và hiện tại. * Phần 2 (Còn lại): Suy ngẫm của nhà thơ. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản ***Ngõ Tràng An- Vân Long***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài ***Ngõ Tràng An- Vân Long***

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học ***Ngõ Tràng An- Vân Long.***

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thầm VB sau đó thảo luận theo cặp để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập.  **PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm hiểu chi tiết văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **1. Trong bài thơ có một hay hai nhân vật “tôi”** | **---------------------------** | | **2. Hình ảnh nhân vật “tôi” ngày bé được gợi tả như thế nào trong bài thơ** | **---------------------------** | | **3. Tìm những hình ảnh thể hiện sự đan xen giữa hiện tại và quá khứ. Nhận xét về cách kết hợp đó** | **---------------------------** | | **4. Trình bày cách hiểu của bạn về hai câu thơ cuối của bài thơ** | **---------------------------** | | **5. Nét độc đáo của kết cấu bài thơ này là gì** | **-------------------------** |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thầm VB và thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi trong SGK.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 5 HS trả lời 5 câu hỏi trong SGK, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 1:** Bài thơ thực chất có một nhân vật "tôi" nhưng phân thân thành "tôi" ngày bé và "tôi" bây giờ.  **Câu 2:** Hình ảnh nhân vật “tôi” ngày bé hiện lên trong hồi ức của nhân vật “tôi” bây giờ rất sống động, thân thương và đầy cảm xúc, thể hiện qua hình ảnh cậu bé nghịch ngợm "luồn cột đèn đầu ngõ”, thả tàu bay giấy. Đặc sắc nhất là hai hình ảnh: “Chiếc tầu bay giấy lượn lờ/ Suốt năm mươi năm/ Năm mươi năm/ Cô bạn nhỏ chưa khô giọt lệ/ Giận tôi vì một trái bàng!”: Kỉ niệm tuổi thơ không mất đi với thời gian màvẫn luôn hiện diện trong tâm trí tác giả suốt năm mươi năm.  **Câu 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình ảnh hiện tại** | **Hình ảnh quá khứ** | **Nhận xét** | | – *Thả bước lơ ngơ*  – *Chùa – Vẫn ngôi chùa cổ*  – *Tôi* (hôm nay)  – *Chiếc tầu bay giấy* (hôm nay)  – *Chưa khô giọt lệ* (của cô bạn nhỏ)  – *Dãy nhà hai tầng/ ngõ đất*  – *Ngõ đất*  – *Ngôi chùa, bóng mít, bóng cau:* Dường như nhỏ bé hơn so với trước kia  – *Hoa đại* | – *Lên dấu chân ngày cũ*  – *Khói nhang xưa*  – *Tôi: luồn cột đèn đầu ngõ*  – *Chiếc tầu bay giấy* (ngày xưa)  – *Cô bạn nhỏ*: khóc vì giận  – *Ngõ gạch*  – *Ngôi chùa, bóng mít bóng cau*  – *Hoa đại* | Toàn bài thơ là sự đan xen độc đáo giữa những hình ảnh của quá khứ và hiện tại, tạo ra hai khung cảnh: xưa, nay; hai hình ảnh của nhân vật “tôi”: *tôi ngày bé* và *tôi bây giờ*. Sự mờ nhoè của hiện tại và quá khứ, góp phần thể hiện sự tiếc nuối quá khứ, sự soi chiếu những giá trị của quá khứ từ hiện tại. |   **Câu 4:** Đây là câu hỏi mở. GV có thể khuyến khích HS trả lời theo nhiều cách khác nhau miễn là dựa trên cách hiểu của các em về VB và có lập luận hợp lí.  **Câu 5:** Nét độc đáo của bài thơ là sự sự đan xen của hình ảnh *tôi* ngày trước và *tôi* hiện tại, *ngõ* ngày trước và *ngõ* hiện tại. Mạch cảm xúc hoài niệm và sự soi chiếu những giá trị của quá khứ được thể hiện xuyên suốt qua các khổ thơ, qua việc đan xen giữa các hình ảnh quá khứ – hiện tại trong từng dòng thơ. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB ***Ngõ Tràng An- Vân Long .***

**b. Nội dung hoạt động**: HS thảo luận cặp đôi để khái quát đặc sắc nội dung và nghệ thuật văn bản

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệmvụ:** Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi.  **Bước 3:Báo cáo kết quả hoạt động**  **Bước 4:GV đánh giá, chốt lại vấn đề** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ: tự do.  - Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ.  **2. Nội dung**  Văn bản trên đề cập đến những chi tiết nghệ thuật quan trọng sâu trong Ngõ Tràng An- Văn Long . Qua đó, người đọc cảm nhận một cách rõ nét hơn mạch cảm xúc hoài niệm và sự soi chiếu những giá trị của quá khứ được thể hiện xuyên suốt qua các khổ thơ, qua việc đan xen giữa các hình ảnh quá khứ – hiện tại trong từng dòng thơ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:GV giao nhiệm vụ:**  Làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ.  **Câu 1:** Em tâm đắc nhất thông điệp nào trong bài thơ?  **Câu 2:** Từ những thông điệp mà bản thân rút ra hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đó  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3:Nhận xét.**  **Bước 4:Chuẩn kiến thức.** | **Luyện tập**  **Câu 1:**HS tự đưa ra thông điệp và lí giải.  HS có thể chọn 1 trong những thông điệp sau:   * Kỉ niệm tuổi thơ luôn hiện mãi trong chí chúng ta. * Hài hòa giữa quá khứ và hiện tại   **Câu 2**: Viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra   * HS thực hiện theo các bước làm bài   + Đặt vấn đề  + Lý giải vấn đề  + Kết thúc vấn đề |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

- Vấn đề 1: Chia sẻ về những lần bản thân thể hiện cái tôi của mình ở quá khứ.

- Vấn đề 2: Theo em, mỗi người có cần sống hoài niệm về quá khứ hay không? Tại sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ (GV có thể giao HS về nhà hoàn thành).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi HS báo cáo sản phẩm học tập trong tiết học tự chọn hoặc buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc hoàn chỉnh thêm các câu chuyện khác *Con gà thờ, Trên những chặng đường hành quân…, Cái giá trị làm người* để hiểu rõ hơn về chủ điểm *Sự thật và trang viết.*

- Chuẩn bị: Thực hành tiếng Việt

*Ngày soạn: .........................*

**Bài 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

***(Phóng sự, nhật kí)***

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết........... *ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ THÂN MẬT***

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

***GV soạn: Phan Thị Cẩm Lan***

***Trường THPT Châu Văn Liêm, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Nhận biết và hiểu được một số cách giải thích nghĩa của từ.

**2. Về năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù**

Phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật và vận dụng được vào quá trình giao tiếp**.**

**2.2. Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**3. Về phẩm chất**

Chăm chỉ thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, phấn…

**2. Học liệu**: SGK, SGV, các dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**

– Kích hoạt được hiểu biết nền về ngôn ngữ thân mật.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**b. Nội dung:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về kiến thức nền và nhiệm vụ cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giao nhiệm vụ HT: Cá nhân HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Xem một đoạn clip về đối thoại giữa hai/ các nhân vật trong một bộ phim, nhận xét về ngôn ngữ đối thoại giữa hai/ các nhân vật trong clip.  (2) Đọc lướt phần *Tri thức Ngữ văn* (SGK, tr. 100), trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT mà các em cần thực hiện trong bài học này là gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ (1); sau khi báo cáo, nghe kết luận về nhiệm vụ (1), HS thực hiện nhiệm vụ (2).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV ghi nhận ý kiến của HS, sau đó, giới thiệu nội dung bài học và nhiệm vụ HT. | Gợi ý Nhiệm vụ học tập của HS:  - So sánh được sự khác biệt về đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật và ngôn ngữ trang trọng  - Phân tích được các đặc điểm về đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật (cách sử dụng từ ngữ, câu) |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**HS bước đầu nhận biết được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật.

**b. Nội dung:** Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu tri thức về Tiếng Việt trong bài Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về của ngôn ngữ thân mật.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ THÂN MẬT** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *Giao nhiệm vụ HT:*HS đọc đoạn đối thoại giữa hai HS trong giờ ra chơi và trả lời câu hỏi:  **Nam:** *Bài này khó quá ha mày? Thiệt tình tao hổng hiểu gì hết trơn.*  **Hoàng:** *Ờ, khó ghê. Bình thường tao đã dở Toán, gặp mấy bài khó như bài này, bó tay luôn.*  – Xác định hoàn cảnh giao tiếp trong đoạn đối thoại trên.  – Thái độ, tình cảm của Nam và Hoàng trong đoạn đối thoại trên như thế nào?  – Phân tích từ ngữ, cấu trúc câu,… Nam và Hoàng sử dụng trong đoạn đối thoại trên.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, trên cơ sở đó, hướng dẫn HS khái quát về các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật dựa vào mục Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật (SGK, tr. 100). | – Hoàn cảnh giao tiếp trong đoạn đối thoại: hoàn cảnh giao tiếp không theo nghi thức (xuất hiện ở dạng đối thoại hàng ngày).  – Thái độ, tình cảm của Nam và Hoàng trong đoạn đối thoại: thân mật, tự nhiên, gần gũi.  – Sử dụng khẩu ngữ (*thiệt tình, bó tay*), thán từ (*Ờ, ghê*).  – Sử dụng câu chứa thành phần gọi đáp (*Ờ, khó ghê).*  Khái quát về các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật  **\*Khái niệm:**  – Là ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên, thoải mái được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp theo không theo nghi thức.  – Xuất hiện ở cả dạng nói (đối thoại hàng ngày) và dạng viết (thư, tin nhắn gửi người thân, bạn bè, nhật kí,...).  **\* Các đặc điểm cơ bản:**  – Cách sử dụng từ ngữ: Thường sử dụng từ ngữ tiếng lóng, khẩu ngữ, từ địa phương, trợ từ, thán từ.  – Cách sử dụng câu: Thường sử dụng câu đơn giản, câu rút gọn, câu chứa các thành phần cảm thán, thành phần tình thái, thành phần gọi đáp. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** | | |
| Đọc nội dung Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật/sgk trang 100 và thực hiện  yêu cầu sau đây: | | |
| Khái niệm ngôn ngữ thân mật |  | |
| Các đặc điểm | Cách sử dụng từ ngữ |  |
| Cách sử dụng câu |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**Phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật và vận dụng được vào quá trình giao tiếp.

**b. Nội dung**: HS thực hiện các nhiệm vụ được giao

**c. Sản phẩm:** Nội dung thực hiện các bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *\* Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS thực hiện các bài tập 1, 2, 3, 4 (SGK, tr. 112 – 113) theo những gợi ý sau:  **(1) Bài tập 1:** Đọc lại mục *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng* (SGK, tr. 10) và *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật* (SGK, tr. 100) và điền vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Ngôn ngữ trang trọng** | **Ngôn ngữ thân mật** | | …… | …… |   Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  **(2) Bài tập 2:**  a. Một HS đọc diễn cảm ngữ liệu a.  b. Hai HS đọc phân vai đọc ngữ liệu b.  Các HS khác nghe và phân tích đặc điểm của ngôn ngữ thân mật trong từng trường hợp.  (3) **Bài tập 3:**  (4) **Bài tập 4:**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  –GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó, kết luận về những điều cần lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong quá trình thảo luận nhóm.  – GV nhận xét nội dung giải quyết các bài tập của HS theo các định hướng tham khảo sau: | **Bài tập 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Ngôn ngữ trang trọng** | **Ngôn ngữ thân mật** | | – Là ngôn ngữ thể hiện thái độ nghiêm túc, mang tính chất lễ nghi, chủ yếu được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp theo nghi thức.  – Xuất hiện ở cả dạng viết (bài tập, tiểu luận, giáo trình, hợp đồng, báo cáo,…) và dạng nói (bài diễn thuyết, bài giảng, ý kiến trong hội thảo, lời nói với những người có tuổi tác, vị trí cao hơn,…).  – Thường sử dụng từ ngữ có sắc thái nghiêm trang, tôn kính, tao nhã,...; không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ;…  – Thường sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng. | – Là ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên, thoải mái được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp theo không theo nghi thức.  – Xuất hiện ở cả dạng nói (đối thoại hàng ngày) và dạng viết (thư, tin nhắn gửi người thân, bạn bè, nhật kí,...).  – Thường sử dụng từ ngữ tiếng lóng, khẩu ngữ, từ địa phương, trợ từ, thán từ.  – Thường sử dụng câu đơn giản, câu rút gọn, câu chứa các thành phần cảm thán, thành phần tình thái, thành phần gọi đáp. |   **Bài tập 2**  a. Ngôn ngữ trong ngữ liệu a gần gũi, tự nhiên, thoải mái, được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp không theo nghi thức (xuất hiện ở dạng viết – nhật kí); thể hiện thái độ, tình cảm thân mật,… Loại ngôn ngữ này có đặc điểm:  – Sử dụng khẩu ngữ (*cơ, nhé, mà,…*), từ ngữ địa phương, trợ từ (*nhé, cơ*), thán từ (*ừ*),...  – Sử dụng câu rút gọn (*Đi nhé! Đi nhé!*), câu chứa thành phần gọi đáp (*Ừ, chết làm sao được cơ chứ, đùa một chút cho vui.*),…  b. Trong ngữ liệu b, ngôn ngữ thân mật xuất hiện dưới dạng một cuộc đối thoại. Loại ngôn ngữ này có đặc điểm:  – Sử dụng khẩu ngữ (*chả, chứ gì*,…), từ ngữ địa phương (*giẫy nảy*), trợ từ (*ạ, đấy*,…), thán từ (*ơi*),...  – Sử dụng câu có cấu trúc đơn giản, câu rút gọn (“*Tốt vào hạng nhất rồi đấy mẹ ạ.”, “Phải, hạng nhất đấy!”,…*), câu đặc biệt bộc lộ cảm xúc (*Cha mẹ ơi!*),…  **Bài tập 3:** VB *Thư gửi con trai* kết hợpcả ngôn ngữ thân mật và ngôn ngữ trang trọng. Ngôn ngữ thân mật thể hiện ở chỗ đây là lá thư của một người cha gởi cho người con của mình với tình cảm thân thiết, gần gũi,… Do vậy, VB sử dụng những câu có thành phần gọi đáp (***Con trai ạ****, hãy luôn ghi nhớ rằng*…; ***Con trai****, con cần phải*…”;…), câu có cấu trúc đơn giản (“*Cha mãi yêu con*!”),… Tuy nhiên, VB bàn đến những vấn đề nhiều người quan tâm: nhân tính, nhân cách, giữ gìn và bảo vệ nhân cách,… bằng ngôn ngữ nghiêm trang, khách quan. Tác giả không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ và sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng. Nói cách khác, thông qua lá thư gởi cho con trai, tác giả bàn luận về những vấn đề được nhiều người quan tâm với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, với bố cục chặt chẽ và ngôn ngữ trang trọng.  **Bài tập 4:** Không thể sử dụng ngôn ngữ thân mật khi thi vấn đáp, trả lời phỏng vấn xin học bổng du học, dẫn chương trình trong một buổi toạ đàm vì đây là các hoàn cảnh giao tiếp theo nghi thức, cần sử dụng ngôn ngữ trang trọng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành Từ đọc đến viết

**b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến về vấn đề: trong trang Facebook cá nhân, nên hay không nên nêu danh tính thật của của người sử dụng? Vì sao?

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*\* Giao nhiệm vụ HT:*Cá nhân HS thực nhiệm vụ sau ở nhà: Đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày ý kiến về việc trên trang Facebook cá nhân, nên hay không nên nêu danh tính thật của người sử dụng. Giải thích lí do.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày sản phẩm đã thực hiện ở nhà

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV - HS cùng nhận xét dựa vào bảng kiểm sau:

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá bài tập *Từ đọc đến viết*** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề nên hay không nên nêu danh tính thật của người sử dụng trên Facebook |  |  |
| Giải thích thuyết phục lí do nên/ không nên |  |  |
| Viết đúng yêu cầu hình thức của một đoạn văn. |  |  |
| Đủ dung lượng 200 chữ. |  |  |

*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

**(PHÓNG SỰ, NHẬT KÍ)**

**Tiết ….. - VĂN BẢN 4: CÁI GIÁ TRỊ LÀM NGƯỜI – VŨ TRỌNG PHỤNG**

***(*Trích phóng sự *Cơm thầy cơm cô)***

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

***GV soạn: Nguyễn Ngọc Pha***

***Trường THPT Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự như: Tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết.

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong VB.

– Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình VB văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân.

**2. Về năng lực**

**1.1 Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được những trải nghiệm, kinh nghiệm cá nhân về cuộc sống, về kiến thức văn học để đánh giá, bày tỏ được cảm xúc cá nhân.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của cá yếu tố phi hư cấu, các sự kiện chi tiết.

**1.2 Năng lực chung**

NL giao tiếp và hợp tác: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**3. Về phẩm chất:** Trung thực, tôn trọng sự thật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, phấn…

**2. Học liệu**: SGK, SGV, các dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung: Hs kể tên các tác phẩm của tác giả Vũ Trọng Phụng**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Học sinh kể tên các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh liên hệ tác phẩm  GV quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS đưa ra đáp án, các học sinh khác lắng nghe, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá | Tác giả và tác phẩm tiêu biểu  https://toplist.vn/images/800px/tac-pham-tieu-bieu-nhat-cua-nha-van-vu-trong-phung-1101074.jpg |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nét thông tin cơ bản về văn bản ***Cái giá trị làm người - Vũ Trọng Phụng.***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về nét thông tin cơ bản của văn bản ***Cái giá trị làm người***

**c. Sản phẩm học tập:** Nét thông tin cơ bản về văn bản ***Cái giá trị làm người*** mà HS tiếp thu được.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu nguồn dẫn và nội dung chính; bố cục của VB ***Cái giá trị làm người*** theo phiếu học tập số 1***.***  **PHIẾU HỌC TẬP 01: Tìm hiểu chung**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **1. Nêu xuất xứ văn bản** |  | | **2. Nêu nội dung văn bản** |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Xuất xứ**  ***Cái giá trị làm người*** trích trong phóng sự “Cơm thầy cơm cô” của Vũ Trọng Phụng  **2. Nội dung**  Văn bản phản ánh một sự việc có tính thời sự của xã hội Việt Nam giai đoạn trước cách mạng tháng Tám. Những người dân nghèo ra thành thị tìm kiếm việc làm trở thành miếng mồi của bọn mua bán người. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản ***Cái giá trị làm người***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài ***Cái giá trị làm người***

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học ***Cái giá trị làm người***

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thầm VB sau đó thảo luận theo cặp để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập.  **PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm hiểu chi tiết văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | **1. Văn bản trên thể hiện những đặc điểm nào của thể loại phóng sự** | **---------------------------** | | **2. Liệt kê một số chi tiết có tính xác thực và nêu tác dụng của các chi tiết đó trong văn bản** | **---------------------------** | | **3. Bạn có nhận xét gì về mật độ sử dụng và tác dụng của lời thoại trong văn bản** | **---------------------------** | | **4. Tìm một số ví dụ về sự kết hợp giữa trần thuật với miêu tả hoặc kết hợp giữa trần thuật với bình luận và cho biết tác dụng của sự kết hợp ấy.** | **---------------------------** | | **5. Đoạn trích này giúp bạn hiểu như thế nào về con người, xã hội Việt Nam thời kỳ trước 1945** | **-------------------------** | | **6. Nhận xét về nghệ thuật viết phóng sự của tác giả Vũ Trọng Phụng .** | **-------------------** | | **7. Theo bạn, cách phản ánh sự thật đời sống của phóng sự và nhật kí có gì giống nhau** | **--------------------------** |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thầm VB và thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi trong SGK.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 7 HS trả lời 7 câu hỏi trong SGK, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Đọc hiểu chi tiết**  **Câu 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của phóng sự** | **Thể hiện trong VB *Cái giá trị làm người*** | | Phản ánh xác thực hiện tượng của cuộc sống | Phản ánh một sự việc có tính thời sự của xã hội Việt Nam giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám: Những người dân nghèo ra thành thị tìm kiếm việc làm trở thành miếng mồi của bọn mua bán người. | | Kết hợp chi tiết hiện thực với thái độ, đánh giá của người viết | Kết hợp giữa việc miêu tả, trần thuật để tái hiện chân thực hiện thực (các đoạn đối thoại giữa nhân vật "tôi" và mụ già môi giới, giữa mụ già với bà già đi tìm vú em cho nhà cụ Lí) với những lời bình luận trực tiếp (*nghĩa là không bằng giá súc vật,..; một cách rất khả ố,..; mụ đưa người đã thành công trong việc bóp cổ người*,...) ––> thể hiện thái độ căm phẫn, bất bình đối với bọn mua bán người, thương xót người lao động. | | Sử dụng biện pháp nghiệp vụ báo chí: điều tra | Đóng vai người đi xin việc, thâm nhập vào thế giới mua bán người để điều tra, phỏng vấn. |   **Câu 2:**  – Một số chi tiết có tính xác thực:  + Nhân vật “tôi” thâm nhập vào thế giới mua bán người.  + Thông qua “mụ già môi giới”, biết được giá của mỗi loại người.  + Cách mối lái, làm giá của bọn mua bán người.  + Cảnh lay lắt của những người không được mua, được thuê.  – Tác dụng: Vẽ nên bức tranh chân thực về cuộc sống khốn khổ của những người làm thuê; cái giá trị của họ không bằng loài vật.  **Câu 3:**  – Lời thoại được sử dụng dày đặc trong VB.  – Tác dụng: Giống như thực hiện một cuộc phỏng vấn, theo đó thông tin sẽ phong phú hơn và thể hiện trực tiếp, rõ ràng hơn thái độ của người trong cuộc. Tính chất phi hư cấu của VB càng trở nên rõ nét.  **Câu 4:**  – Ví dụ về sự kết hợp giữa trần thuật và bình luận: “Một buổi sáng qua như thế cho mãi đến chiều. Mụ già chỉ “tiêu thụ” được có một chị vú em thôi, nhưng mụ đã được đồng bạc. Còn 15 người nữa đói thì mụ cần gì, vì chính mụ, mụ có phải đói hộ người khác đâu. Bọn kia cứ việc, bầy hàng đầy giẫy ở đầu hè, duỗi dài chân ra, hoặc là xoạc cẳng ra, quần vén lên đến đùi để mà “khảo cứu” về lông chân loài người, hoặc để ngủ gật.”  – Tác dụng: Kết hợp trần thuật và bình luận vừa tiếp nối được mạch kể sự kiện của VB vừa thể hiện được thái độ bất bình của tác giả.  **Câu 5:** Một số nhận xét về con người và xã hội Việt Nam trước 1945: Cuộc sống của người nghèo khốn khổ, là miếng mồi ngon cho bọn mua bán người, không có tương lai; xã hội: Bất lương, chỉ có lừa lọc và mánh khoé.  **Câu 6:** Nghệ thuật viết phóng sự của Vũ Trọng Phụng trong đoạn trích:  – Sử dụng ngôi kể thứ nhất từ nhân vật “tôi”, thái độ, tình cảm được thể hiện trực tiếp, rõ ràng.  – Điểm nhìn trần thuật từ nhân vật “tôi” giúp sự kiện được kể vừa tăng tính xác thực, vừa dễ dàng kết hợp với trải nghiệm.  – Chủ yếu sử dụng đối thoại, phù hợp với kĩ thuật điều tra phỏng vấn khi thực hiện phóng sự.  – Kết hợp giữa miêu tả và trần thuật, bình luận.  – Lối viết trào phúng, châm biếm sắc sảo đã làm rõ bộ mặt của xã hội đương thời đẩy người dân vào tình cảnh cùng quẫn, xót xa.  **Cách phản ánh sự thật đời sống của phóng sự và nhật kí**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Phóng sự** | **Nhật kí** | | Tương đồng | – Phản ánh thông tin xác thực, có thể kiểm chứng.  – Kết hợp giữa chi tiết, sự kiện thực tế với việc thể hiện tình cảm, suy nghĩ. | | | Khác biệt | – Sự kiện trong phóng sự được ghi chép theo chuỗi vấn đề, tập trung làm rõ những xung đột chính trị, xã hội hoặc những hiện tượng văn hoá đang diễn ra  – Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ báo chi: điều tra, phỏng vấn,... | – Sự kiện trong nhật kí được ghi chép theo thời gian, tập trung miêu tả những trải nghiệm của người viết trong đời sống cá nhân  – Có thể sử dụng một số biện pháp tu từ như nhân hoá, liệt kê, điệp ngữ, câu hỏi tu từ,... | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ.  Câu 1: Em hãy chia sẽ một đoạn nhật kí mà em đã viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Nhận xét**  **Bước 4: Chuẩn kiến thức** | **Luyện tập**  **Câu 1**: Viết đoạn nhật kí ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra (quan tâm)  HS thực hiện theo các bước làm bài  + Đặt vấn đề  + Lý giải vấn đề  + Kết thúc vấn đề |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**-** Vấn đề 1: Chia sẻ cảm xúc của bản thân khi đọc nhật kí của: Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm.

- Vấn đề 2: Theo em, mỗi người có cần viết nhật kí không? Tại sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ (GV có thể giao HS về nhà hoàn thành).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi HS báo cáo sản phẩm học tập trong tiết học tự chọn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm.

*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

***(Phóng sự, nhật kí)***

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết ……. VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM**

## *Thời gian thực hiện: 1,5 tiết*

***GV soạn: Trần Mỹ Linh***

***Trường THPT Châu Văn Liêm*, *Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

–Đặc điểm kiểu bài thư trao đổi một vấn đề đáng quan tâm.

– Cách viết thư trao đổi một vấn đề đáng quan tâm.

**2. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Biết viết VB đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

– Viết được bức thư trao đổi một vấn đề đáng quan tâm.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình HT.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng.

**3. Phẩm chất:** Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, phấn…

**2. Học liệu**: SGK, SGV, các dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về mục đích viết thư.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\**** *Giao nhiệm vụ HT:*Cá nhân HS trả lời các câu hỏi: Thư tay, thư điện tử (email) thường được viết ra nhằm mục đích gì?

### \* *Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

### \* *Báo cáo, thảo luận:* 4 HS trả lời, GV ghi nhanh ý kiến của HS lên bảng.

\* *Kết luận, nhận định*: GV tổng hợp ý kiến của HS, bổ sung: Thư thường được viết để: bày tỏ tình cảm, trao đổi công việc, giới thiệu sản phẩm mới,... sau đó, dẫn dắt vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Bước đầu nhận biết được khái niệm, yêu cầu và bố cục của kiểu bài: *Thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.*

**b. Nội dung:** Khái niệm, yêu cầu đối với kiểu bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS về khái niệm, yêu cầu, bố cục của kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* GV trình chiếu một thư điện tử (email), yêu cầu quan sát bố cục thư điện tử, sau đó đọc khung *Tri thức về kiểu bài* (SGK, tr.117-118) và điền vào **PHT 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS nhận biết yêu cầu của kiểu bài theo bảng định hướng trả lời PHT 1 | *Phiếu học tập số 1* |

**Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc, phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm, bố cục, yêu cầu của kiểu bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:Nhóm 2 HS  - Đọc thầm ngữ liệu (SGK, tr. 119-120)  - Đối chiếu những phần được đánh số với box thông tin tương ứng ở bên phải VB.  - Trả lời sáu câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo (SGK, tr. 120).  *\* Thực hiện nhiệm*: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 3 nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác bổ sung. *\* Kết luận, nhận định:*  – GV nhận xét phần xác định của HS, hướng dẫn HS chỉ ra sự thể hiện của đặc điểm kiểu bài qua một số từ ngữ cụ thể trên bài viết.  – GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chốt vấn đề. | **Câu 1:** HS đọc văn bản, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và tự trả lời.  **Câu 2:** Mục đích viết thư của tác giả là để trao đổi với con về vấn đề vai trò của vấn đề nhân cách.  **Câu 3:**  – Lí lẽ: Lí lẽ về nhân tính, nhân cách, cách giữ gìn nhân cách,...  – Bằng chứng về: Những người ý chí mềm yếu, chơi bời lêu lõng, lừa đảo người lành, khiếp sợ kẻ ác; những người ý chí kiên cường, cần cù, chịu khó, chính trực, lương thiện; nhân cách của Lin-cơn; nhiều người không chịu khó học các kiến thức văn hoá, lại đi học các thói hư tật xấu như: lười biếng, ích kỉ, lừa thầy dối bạn, không có trách nhiệm với tương lai của chính mình.  **Câu 4:** Những giải pháp để hình thành nhân cách con người, theo tác giả là: (1) chính trực, lương thiện; (2) ham học, có trách nhiệm; (3) thành thật, giữ lời hứa; (4) tích cực, lạc quan.  **Câu 5:** Người gửi (trong vai trò người cha) đã sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng  người nhận, thể hiện qua lời lẽ mang tính khuyên răn, cách xưng hô thân mật: cha – con.  **Câu 6:** Đây là câu hỏi mở nên HS tự do trả lời dựa trên trải nghiệm cá nhân. Tuy nhiên, GV có thể nêu thêm một số câu hỏi để định hướng cho HS: *Học được điều gì về cách thuyết phục người khác của tác giả bức thư? Hiểu thêm điều gì về nhân cách, vai trò của nhân cách và cách hình thành nhân cách?* |

**Nội dung 3: Tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết được những thao tác cần làm và lưu ý khi thực hiện quy trình viết kiểu bài thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu quy trình viết.

**c. Sản phẩm:** Bảng tóm tắt các bước của quy trình viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:*Nhóm 2 HS đọc lướt phần *Thực hành viết theo* *quy trình* (SGK, tr. 120 – 121), sau đó, điền thông tin vào sơ đồ PHT2  \* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*Các nhóm trình bày sơ đồ, cả lớp thảo luận.  *\* Kết luận, nhận định:* (Theo bảng định hướng trả lời PHT.2)  Lưu ý: Hoạt động xem lại, chỉnh sửa không phải chỉ thực hiện sau khi viết bài mà cần được thực hiện ở từng bước của tiến trình viết, trong sự đối chiếu với yêu cầu của đề bài để đảm bảo bài viết đáp ứng yêu cầu. | *Phiếu học tập số 2* |

**PHT 1. Yêu cầu của *Thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thư tay** | **Thư điện tử** |
| Nội dung | Trao đổi với người đọc về một vấn đề, trình bày ý kiến về vấn đề, sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc. | |
| Hình thức | **Mở đầu:** Nêu địa điểm, thời gian viết thư, danh tính người nhận, lời chào. | **Mở đầu:** Ghi địa chỉ email của người gửi và người nhận  Tiêu đề email  Lời chào hỏi/ thưa gửi |
| **Nội dung:** Trình bày vấn đề, ý kiến trao đổi về vấn đề hai bên cùng quan tâm. | |
| **Kết thúc:** Ghi lời chào tạm biệt, lời chúc, kí tên, ghi họ tên. | **Kết thúc:** Ghi lời chào, lời chúc, danh tính người viết thư (có thể kí tên bằng chữ kí điện tử). |

**PHT 2. Quy trình viết kiểu bài *Thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm***

**HOẠT ĐỘNG 3:** **LUYỆN TẬP (Thực hành viết)**

**a. Mục tiêu**:

- Xác định được đề tài, đối tượng, mục đích viết của bức thư.

- Biết cách sử dụng một số chức năng của email.

- Xác định được các ý cần cho bài viết, lập được dàn ý, viết được thư trao đổi về vấn đề đáng quan tâm.

- Nhận xét được cho bài viết của bản thân và HS khác trong lớp.

- Tự nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân

**b. Nội dung:** Tìm hiểu quy trình viết, viết bài, nhận xét và rút kinh nghiệm.

**c. Sản phẩm**

- Phiếu tìm ý, dàn ý,bài viết của HS.

- Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Chuẩn bị viết**

***1.1. Hoạt động xác định đề tài, đối tượng, mục đích gửi thư***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:*HS chọn lựa một trong các vấn đề mà GV giới thiệu:  - Trao đổi với bố mẹ về việc chọn nghề.  - Trao đổi với bạn bè về việc chọn nghề.  - Trao đổi với bạn về lí tưởng sống, về cách sống.  - Trao đổi với bạn về tình yêu.  - Trao đổi với bạn về việc sử dụng thời gian sao cho hợp lí, khoa học.  ***Lưu ý***: Khuyến khích HS:  - Tự đề xuất vấn đề dựa trên hứng thú của các em.  - Đóng vai bố/ mẹ/ anh/ chị viết thư trao đổi với con/ em về vấn đề quan tâm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận*: Các nhóm HS trình bày vấn đề đã chọn/ đề xuất. Các nhóm khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định*: GV tư vấn cho HS điều chỉnh vấn đề phù hợp dựa trên định hướng sau:  - Vấn đề cụ thể, gần gũi với HS, nằm trong mối quan tâm của các em.  - Vấn đề có ý nghĩa với những HS đang sắp tốt nghiệp phổ thông.  - Vấn đề đang được nhiều người, trong đó có người trẻ quan tâm. | Câu trả lời của HS |

***1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác gửi thư điện tử***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm HS quan sát cách GV thực hiện các thao tác viết và gửi email (GV mở hộp thư điện tử và thao tác trực tiếp trên màn hình), sau đó rút ra một số lưu ý về cách sử dụng email.  ***Lưu ý:*** Tuỳ theo kiến thức nền của HS mà GV chọn làm mẫu kĩ năng viết phù hợp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  *\* Báo cáo kết quả:* 2-3 HS nêu một số lưu ý về cách sử dụng email.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của HS, bổ sung theo định hướng sau:  – Mở hộp thư điện tử  – Chọn mục Soạn thư  – Nhập địa chỉ email của người nhận (một hoặc nhiều người), có thể dùng chức năng Cc để nhập địa chỉ người cần biết thông tin nhưng không cần trả lời, chức năng Bcc để thêm địa chỉ.  – Trình bày nội dung email.  – Lời chào, lời chúc.  – Ghi tên người gửi. | Câu trả lời của HS |

**\* Tìm ý, lập dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: (ở nhà)  Nhóm 4 – 5 HS điền vào PHT 3. Phiếu tìm ý  *\* Thực hiện nhiệm vụ*:  - Các nhóm HS tổng hợp nhiệm vụ đã thực hiện ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Các nhóm trình bày phiếu tìm ý trên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Các nhóm trình bày dàn ý trên Google Classroom của lớp, các nhóm góp ý dựa vào PHT 4. Tiêu chí đánh giá dàn ý  - Cá nhân HS sẽ trình bày bài viết trong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* được tổ chức trên lớp sau khi đã thực hiện bước viết bài ở nhà.  *\* Kết luận, nhận định:*  -GV góp ý cho phiếu tìm ý của nhóm: Sự phù hợp của vấn đề, đối tượng người đọc, loại thông tin mà nhóm đã chọn/ xác định.  - GV đánh giá dàn ý của HS dựa trên tiêu chí đã công bố.  - GV tổ chức, đánh giá bài viết của cá nhân và phần tự đánh giá/ đánh giá lẫn nhau của HS dựa vào bảng kiểmtrong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*. | *Phiếu học tập số 3* |

**\* Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc bài của bạn và dùng bút màu góp ý dựa vào bảng kiểm. Đối với các tiêu chí “chưa đạt”, HS ghi chú lí giải, phân tích nguyên nhân.  \* *Báo cáo, thảo luận:*  – Đại diện 2-3 nhóm đôi HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau.  – 1-2HS đọc bài viết trước lớp và các HS khác nhận xét.  \* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS trên hai phương diện:  - Những ưu điểm cần phát huy và cần chỉnh sửa trong bài viết của HS.  - Cách nhận xét, đánh giá bài viết của HS. | *Câu trả lời của HS* |

**PHT 3. Phiếu tìm ý**

**Phiếu tìm ý**

Tên nhóm:.....................................................................................................

Vấn đề muốn viết thư trao đổi: ...................................................................

Người đọc có thể là .....................................................................................

Để viết bài này, cần thu thập nhưng thông tin nào để thuyết phục người đọc?

....................................................................................................................

Cách thu thập thông tin:

– Tìm trên mạng/ sách báo?

– Phỏng vấn? Đối tượng phỏng vấn?

**PHT 4. Tiêu chí đánh giá dàn ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá dàn ý** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Đảm bảo đầy đủ các ý theo yêu cầu của kiểu bài. |  |  |
| Sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí. |  |  |
| Trình bày dàn ý ngắn gọn, bằng từ/ cụm từ. |  |  |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (thực hiện ở nhà)**

**a**. **Mục tiêu**: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình viết

**b. Nội dung:** Đánh giá và rút kinh nghiệm về cách viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm.

**c. Sản phẩm:** Bài viết có sự chỉnh sửa của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *\* Giao nhiệm vụ học:*HSđọc lại bài viết của mình lần thứ hai để tự chỉnh sửa.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố sản phẩm đã hoàn thành trên trang web hoặc bảng tin HT của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục góp ý cho các bài viết dựa trên bảng kiểm. | *Bài viết của HS* |

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết : *TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC***

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

***GV soạn: Hồ Thị Nhung***

***Trường TH, THCS & THPT Quốc tế Á Châu*, *414 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, TP.HCM***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Quy trình thực hiện bài thảo luận về một vấn đề có ý kiến trái ngược.

- Kĩ năng thảo luận về một vấn đề có ý kiến trái ngược.

**2. Về năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù**

- Biết tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược.

- Thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh luận.

**2.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác thông qua việc lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**3. Về phẩm chất**

- Có trách nhiệm với lời nói của bản thân.

- Thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh luận.

- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: Laptop, máy chiếu, loa, bảng phụ, phấn/viết lông,…

**2. Học liệu**

- SGK, SGV.

- Các PHT giấy và online, bảng kiểm.

- Video clip, biểu đồ, bảng biểu,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện; kích hoạt được tri thức nền về cách tranh luận.

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời miệng.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói – nghe và mong muốn của HS khi tham gia tranh luận.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  (1)GV yêu cầu HS đọc lướt nội dung phần *Nói và nghe* (SGK, tr. 122 –123) để trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ học sinh cần thực hiện ở phần Nói và nghe này là gì?*  (2) GV yêu cầu HS liệt kê ít nhất hai mong muốn của em khi tham gia trao đổi, tranh luận về một vấn đề (ví dụ: nội dung tranh luận, thái độ người tham gia tranh luận,...).  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  (1)1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.  (2) 5 HS trả lời, GV ghi lại mong muốn của HS lên bảng.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  (1) GV chốt nhiệm vụ của phần *Nói và nghe.*  (2) GV có thể bổ sung mong muốn của chính GV khi tham gia tranh luận. | (1) Nhiệm vụ của phần *Nói và nghe*:  + Học cách tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái ngược.  + Học cách lắng nghe, thể hiện thái độ cầu thị khi tranh luận.  (2) Gợi ý đáp án:  + Nội dung tranh luận: liên quan đến những vấn đề phù hợp với lứa tuổi (chọn nghề, chọn trường, tình bạn với tình yêu, học tập với giải trí,…)  + Thái độ tham gia tranh luận: cầu thị và tôn trọng ý kiến lẫn nhau,… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động chuẩn bị tranh luận**

**a. Mục tiêu**

- Xác định được yêu cầu của đề tài, mục đích tranh luận.

- Thu thập được thông tin và phác thảo được nội dung cần tranh luận, dự kiến được ý kiến trao đổi và phản hồi.

**b. Nội dung:** HS hoàn thành các PHT.

**c. Sản phẩm:** Nội dung thông tin điền vào các PHT.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV hướng dẫn HS thực hiện hai nhiệm vụ dưới đây ở cuối tiết học trước.*  - Cho đề tài tranh luận: Nên chọn nghề theo mong muốn của cha mẹ, theo bạn bè hay theo năng lực, hứng thú của cá nhân.  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 5 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Điền vào PHT số 1.  (2) Dựa vào thông tin đã thu thập ở PHT 1, HS điền vào PHT số 2.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm HS tự thảo luận và thực hiện nhiệm vụ tại nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Trên lớp, đại diện1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm HS khác trao đổi, góp ý (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ học tập của các nhóm.  - Gợi ý, bổ sung cho phần *Chuẩn bị tranh luận* của HS/ nhóm. | **Gợi ý đáp án**  PHT số 1 *(đính kèm)*  PHT số 2 *(đính kèm)* |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**PHT số 1**

– Tên nhóm: ........................................................................................

– Yêu cầu của đề tài: ..........................................................................

– Mục đích tranh luận: ........................................................................

– Đối tượng tranh luận: ......................................................................

– Loại thông tin cần thu thập để tranh luận, nguồn thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại thông tin** | **Nguồn thông tin** |
|  |  |
|  |  |

**Gợi ý đáp án PHT số 1**

– Tên nhóm: ........................................................................................

– Yêu cầu của đề tài: HS hiện nay nên chọn nghề theo mong muốn của cha mẹ, theo bạn bè hay theo năng lực, hứng thú của cá nhân.

– Mục đích tranh luận: Tìm ra định hướng nghề nghiệp đúng đắn cho bản thân.

– Đối tượng tranh luận: Bạn bè

– Loại thông tin cần thu thập để tranh luận, nguồn thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại thông tin** | **Nguồn thông tin** |
| Văn bản, hình ảnh, số liệu,… | Các trang báo, tạp chí, các sách, các chương trình tư vấn nghề nghiệp,… |

**PHT số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến của tôi** | **Dự kiến ý kiến phản biện** | **Dự kiến ý kiến trao đổi** |
| Ý kiến thứ nhất .........................  Lí lẽ, lập luận ............................  Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở) ............................................ | ..............................  ..............................  ..............................  .............................. | ..............................  ..............................  ..............................  .............................. |
| Ý kiến thứ hai ...........................  Lí lẽ, lập luận ............................  Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở) ............................................ | ..............................  ..............................  ..............................  .............................. | ..............................  ..............................  ..............................  .............................. |

**Gợi ý PHT số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến của tôi** | **Dự kiến ý kiến phản biện** | **Dự kiến ý kiến trao đổi** |
| - Ý kiến thứ nhất: Chọn nghề theo mong muốn, định hướng của cha mẹ là không hợp lí.  + Lí lẽ, lập luận: Mỗi cá nhân có đam mê, sở thích riêng. Nhiều cha mẹ mang thiên hướng áp đặt con theo mong muốn của mình, khiến con áp lực và sống không đúng với đam mê của bản thân. Điều này không chỉ làm xa cách tình cảm gia đình mà còn ảnh hưởng đến giá trị tinh thần, thành công của con sau này. Bên cạnh đó, những thông tin phụ huynh sử dụng thiếu tính cập nhật, bị giới hạn trong một lĩnh vực chuyên môn nhất định dẫn đến việc hướng nghiệp trở nên thiếu thuyết phục với con.  + Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở): con cái đam mê hội họa, nhưng cha mẹ hướng nghiệp kinh doanh, kế toán, nên dẫn đến hậu quả con cái bỏ học Đại học giữa chừng vì quá áp lực, không có hứng thú học tập.  Một số dẫn chứng về sự thành công của những người đi theo đam mê của bản thân: Albert Einstein, Walt Disney, Susan Boyle,… | - Việc cha mẹ hướng nghiệp cho con là rất cần thiết.  + Lí lẽ, lập luận: khi con chưa biết mình phù hợp với ngành, nghề nào. Lúc này, cha mẹ sẽ là người hỗ trợ, chia sẻ để con có một lộ trình học tập, theo đuổi nghề nghiệp tương lai rõ ràng. Bên cạnh đó, cha mẹ hướng nghiệp cho con, trang bị đầy đủ kiến thức, kĩ năng, tạo điều kiện cho con được trải nghiệm, cọ xát môi trường thực tế là tiền đề giúp con xác định rõ hướng đi của mình sau này mà không bỡ ngỡ, lạc lối, chọn sai ngành, nghề trong môi trường học tập mới. | Bên cạnh việc xác định nghề nghiệp tương lai mà bản thân mong muốn, chúng ta cần tham khảo ý kiến từ mọi người xung quanh (cha mẹ, thầy cô, bạn bè) để đưa ra sự lựa chọn đúng đắn nhất. |

**2. Hoạt động tìm hiểu kĩ năng tranh luận và cách phản hồi**

**a. Mục tiêu**

- Biết tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược.

- Thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh luận.

**b. Nội dung:** HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về cách tranh luận, thái độ cần có khi tranh luận.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 5 HS đọc hướng dẫn cách tranh luận và bảng kiểm (SGK, tr. 122 – 123) và tóm tắt các nguyên tắc tranh luận.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Mỗi nhóm HS trình bày một nguyên tắc, nhóm sau không lặp lại ý nhóm trước.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung một số nguyên tắc tranh luận (nếu cần). | **1. Khi trình bày ý kiến của mình, bạn cần:**  - Trình bày ngắn gọn, dựa trên dàn ý đã phác thảo.  - Nêu lí lẽ, bằng chứng (từ thực tế cuộc sống và từ sách vở) để tăng sức thuyết phục cho ý kiến.  - Trình bày giải pháp có tính khả thi cho vấn đề tranh luận.  - Tương tác với người nghe (bằng cách nhìn vào mắt họ, nêu câu hỏi),…  - Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (động tác hình thể, ngữ điệu lời nói,…).  **2. Khi tranh luận, bạn cần:**  - Tuân thủ quy tắc lượt lời, không cướp lời.  - Tôn trọng ý kiến khác với quan niệm của mình.  - Nêu câu hỏi về những vấn đề bản thân chưa hiểu rõ.  - Tập trung thảo luận, tranh luận về các ý kiến, không công kích cá nhân. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

**a. Mục tiêu**

- Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

- Trao đổi, nhận xét, đánh giá được về bài kĩ năng tranh luận của các nhóm.

**b. Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ nói và nghe.

**c. Sản phẩm:**

- Phần tranh luận của các nhóm.

- Phần trao đổi, nhận xét, đánh giá của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tranh luận trực tiếp trên lớp bằng cách mời hai nhóm HS lên trước lớp và chia làm hai nhóm:  + Nhóm HS đồng ý với ý kiến chọn nghề, chọn trường theo mong muốn của cha mẹ, bạn bè.  + Nhóm HS đồng ý với ý kiến chọn nghề, chọn trường theo năng lực, hứng thú cá nhân.  - Mỗi nhóm lần lượt phát biểu từng ý kiến, nhóm còn lại phản bác ý kiến của bạn.  - Các nhóm còn lại đóng vai trò người nghe và điền vào bảng kiểm (SGK. tr. 123) những kĩ năng tranh luận mà hai nhóm đạt hoặc chưa đạt.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, góp ý cho kĩ năng tranh luận của các nhóm dựa trên bảng kiểm.  *Lưu ý:* Ở hoạt động này GV chỉ nhận xét khái quát, ngắn gọn về mức độ và thái độ thực hiện nhiệm vụ HT của HS. Đối với các nhận xét, đánh giá chi tiết về từng bài trình bày của HS, GV sẽ thực hiện sau khi HS thực hiện việc trao đổi, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. | *- Phụ lục 1: Bảng kiểm kĩ năng tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược.*  *- Phụ lục 2: Bảng kiểm đánh giá người nghe.* |

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu**

- Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; Rút ra được kinh nghiệm cho bản thân sau hoạt động tranh luận.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**b. Nội dung:** HS thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ tư duy.

**c. Sản phẩm:**Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Mỗi nhóm thiết kế một sản phẩm, trình bày những kĩ năng cần có khi tranh luận trên giấy A0.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Các HS treo sản phẩm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, kết luận về sản phẩm của HS trên hai phương diện:  + Nội dung: Nêu được những kĩ năng tranh luận thiết thực, cụ thể.  + Hình thức: Trình bày đẹp, cỡ chữ, màu chữ phù hợp.  - GV giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của HS (nếu có). | Sơ đồ tư duy của HS về nội dung: Những kĩ năng cần có khi tranh luận về một vấn đề. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện phần ôn tập tại nhà theo hướng dẫn trong SGK, tr. 124.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thành các bài tập theo hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6 ở phần *Ôn tập* (SGK, tr. 124).

**d. Tổ chức thực hiện:**

\* *Giao nhiệm vụ HT*:Ở nhà, cánhân HS chuẩn bị cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6 ở phần *Ôn tập* (SGK, tr.124).

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

***\**** *Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:*GV tổ chức đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS ở tiết *Ôn tập*.

**PHỤ LỤC**

***Phụ lục 1: Bảng kiểm kĩ năng tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiểm tra | | | Đạt | Chưa đạt |
| Mở đầu | | Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần). |  |  |
| Giới thiệu vấn đề cần trình bày |  |  |
| Nội dung chính | | Nêu ngắn gọn các ý kiến trái ngược về vấn đề. |  |  |
| Nêu luận điểm thể hiện ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề. |  |  |
| Đưa được lí lẽ hợp lí, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |
| Phân tích được bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |
| Kết thúc | | Khẳng định lại quan điểm của bản thân về vấn đề. |  |  |
| Nêu giải pháp, bài học từ vấn đề. |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| Tranh luận | Vai trò người nói | Đưa ra được phản hồi xác đáng, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của bản thân trước sự phản bác của người nghe. |  |  |
|  |  |
|  |  |
| Vai trò người nghe | Nêu được ý kiến phản biện xác đáng, thuyết phục về nội dung bài trình bày của người khác. |  |  |
| Đặt được câu hỏi hợp lí về những nội dung chưa chính xác, chưa rõ ràng trong bài trình bày của người khác. |  |  |

***Phụ lục 2: Bảng kiểm đánh giá người nghe***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
| Chuẩn bị nghe | Tìm hiểu về vấn đề được nói đến |  |  |
| Chuẩn bị giấy bút để ghi chép |  |  |
| Lắng nghe và ghi chép | Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khóa, sơ đồ |  |  |
| Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói |  |  |
| Ghi lại câu hỏi liên quan đến nội dung bài nói |  |  |
| Dự kiến những điều cần trao đổi |  |  |
| Trao đổi, nhận xét, đánh giá | Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân |  |  |
| Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói |  |  |
| Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói |  |  |
| Nhận xét về cách trình bày bài nói |  |  |
| Thái độ và ngôn ngữ | Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói |  |  |

*Ngày soạn:*

**BÀI 4. SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT (PHÓNG SỰ, NHẬT KÍ)**

**Tiết :………. PHẦN 5: ÔN TẬP**

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

***GV soạn: Lò Thị Xuyến***

***Trường THPT Mường Lầm, Sông Mã, Sơn La.***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Chủ điểm: Sự thật và trang viết

- Thể loại: Phóng sự, nhật kí

**2. Về năng lực**

**2.1 Năng lực đặc thù**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2.2 Năng lực chung**

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của truyện thần thoại thông qua các văn bản trong chủ điểm

**3. Về phẩm chất**

Trân trọng những người anh hùng đã hi sinh bảo vệ độc lập dân tộc, có ý thức bài trừ những nét văn hóa hủ tục, lạc hậu. Biết trân trọng giá trị làm người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**2. Học liệu**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Giáo viên yêu cầu học sinh gấp sách giáo khoa lại và làm việc cá nhân.  Nhắc lại theo thứ tự tên và thể loại của 4 văn bản đã học trong bài 4.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới | 1. Văn bản: Con gà thờ - thể loại phóng sự.  2. Những chặng đường hành quân – thể loại: Nhật kí.  3. Ngõ Tràng An – thể loại: Thơ  4. Cái giá trị làm người – thể loại: Phóng sự. |

**HOẠT ĐỘNG 2: CỦNG CỐ KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Chủ điểm Sự thật và trang viết

- Thể loại: phóng sự, nhật kí

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của phóng sự, nhật kí thông qua các văn bản trong chủ điểm

- Trân trọng, biết ơn những thế hệ cha anh đã ngã xuống để bảo vệ nền độc lập dân tộc.

- Củng cố tinh thần yêu nước và tự ảo dân tococj cho thế hệ trẻ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Nội dung 1: Hướng dẫn học sinh nhắc lại những đặc điểm của thể loại phóng sự và nhật kí**

**B1. Giao nhiệm vụ học tập**

Câu 1. Nêu một số điểm tương đồng và khác biệt giữa hai thể loại phóng sự và nhật kí.

(Giáo viên phân công HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi theo phiếu học tập số 1)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Phóng sự** | **Nhật kí** |
| **Giống nhau** |  | |
| **Khác nhau** |  |  |
|  |  |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

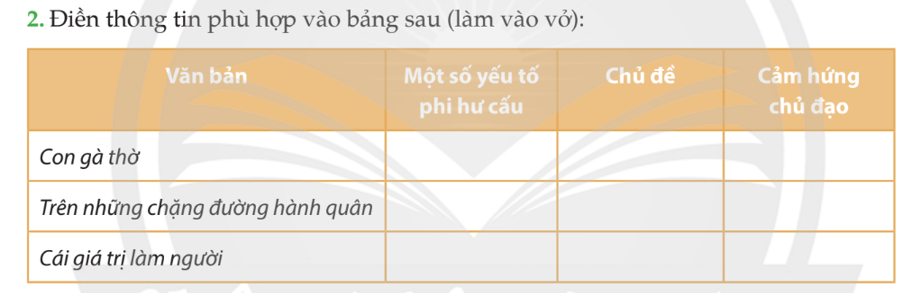
Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Phóng sự** | **Nhật kí** |
| **Giống nhau** | Ghi chép lại sự kiện đặc biệt, đề cao sự chân thực, sinh động  - Thể hiện cảm xúc của cá nhân người viết | |
| **Khác nhau** | Không đánh số ngày, tháng, năm | Có đánh số ngày, tháng, năm |
| - Ghi lại sự kiện đặc biệt có ý nghĩa quan trọng nhất định đối với cộng đồng xã hội | Ghi lại sự kiện diễn ra hàng ngày |

**\* Nội dung 2: Hướng dẫn học sinh điền thông tin vào bảng biểu**

**B1. Giao nhiệm vụ:**

Câu 2.

****

(Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập số 2)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Một số yếu tố hư cấu** | **Chủ đề** | **Cảm hứng chủ đạo** |
| **Con gà thờ** |  |  |  |
| **Trên những chặng đường hành quân** |  |  |  |
| **Cái giá trị làm người** |  |  |  |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Một số yếu tố hư cấu** | **Chủ đề** | **Cảm hứng chủ đạo** |
| **Con gà thờ** | - Văn bản đã ghi lại những sự việc trong tục “lên lão" của một ngôi làng nọ, tục lệ này có liên quan đến tín ngưỡng của làng này.  - Có số liệu xác thực về số cân nặng của con gà dùng để thờ cúng.  - Miêu tả hành động luộc gà rất độc đáo. | Hủ tục cổ hủ của làng quê Việt Nam trước cách mạng tháng Tám | Lên án, phê phán, chế giễu |
| **Trên những chặng đường hành quân** | Những sự kiện đặc biệt  - Những số liệu có thực  - Những địa danh gắn liền với sự kiện lịch sử | Chiến tranh Việt Nam | Tự hào, vui sướng xen lẫn xao xuyến khôn nguôi khi đến tuổi nhập ngũ. |
| **Cái giá trị làm người** | - Nạn thất nghiệp  - Số phận người lao động trước cách mạng tháng Tám | Nạn buôn người và nghề đi ở | Xót thương, bi hài, bi đát |

**\* Nội dung 3: Hướng dẫn học sinh viết đoạn hội thoại và phân tích**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Câu 3. Viết một đoạn đối thoại (khoảng bốn đến sáu lượt lời) giữa em và các bạn cùng lớp về việc viết nhật kí, sau đó phân tích đặc điểm ngôn ngữ thân mật trong đoạn hội thoại này.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

**Ví dụ về đoạn hội thoại và phân tích ngôn ngữ thân mật**

*- A: Từ khi được học văn bản Những chặng đường hành quân của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, tớ cảm thấy rất tự hào về những người trẻ thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước, và tớ cũng cảm thấy viết nhật kí ghi lại những khoảnh khác, sự kiện hoặc cảm xúc đáng nhớ cũng là một trong những phương pháp giải tỏa cảm xúc hiệu quả cậu ạ.*

*- B. Tớ cũng cùng quan điểm như cậu, bản thân tớ cũng bắt đầu viết nhật kí được gần một tuần nay và cảm thấy như hiểu được chính bản thân mình nhiều hơn.*

*- A. Ôi tớ cũng thấy như vậy, này nhé, hôm trước khi bị điểm kém, lại bị cô giáo trách oan là chép bài của bạn, tớ không thể thanh minh được, cảm thấy rất ấm ức, bao nhiêu cảm xúc tiêu cực tớ viết hết vào trang giấy thế là thấy nhẹ nhõm hẳn.*

*- B. Thế mới thấy các chiến sĩ ngày xưa đi đánh giặc họ hay viết nhật kí là bởi họ muốn lưu giữ những gì chân thật nhất và thông qua đó tự củng cố tinh thần cho mình cậu nhỉ.*

*- A. Có lẽ, từ giờ trở đi, tớ sẽ hạn chế sử dụng điện thoại và thay vào đó sẽ thường xuyên viết nhật kí hơn để thanh lọc cảm xúc, suy nghĩ đồng thời rèn luyện kĩ năng viết luôn cậu ạ.*

*- B. Ý kiến hay đấy, suốt ngày lên mạng, tiếp xúc với nhiều thông tin trái chiều đôi khi cũng ảnh hưởng tới suy nghĩ và hành động của mình. Bạn nghĩ thế nào khi hai chúng ta cùng viết chung một quyển nhật kí để chia sẻ nững cảm nhận của bản thân về cuộc sống?*

*- A. Nhất trí luôn cậu, chúng ta sẽ bắt đầu thực hiện điều này từ ngày mai nhé.*

**Ngôn ngữ thân mật được thể hiện trong cuộc hội thoại:**

- *Cậu ạ, Ôi, Có lẽ, nhé, cậu nhỉ,* -> Tác dụng: thể hiện sự gần gũi thân mật giữa hai người bạn cùng lứa tuổi, khi có cùng sở thích và cách nhìn nhận vấn đề giống nhau.

**\* Nội dung 4. Tóm tắt các yêu cầu về nội dung, hình thức của văn bản thư trao đổi về một vấn đề bằng sơ đồ hoặc bảng biểu**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Câu 4. Tóm tắt các yêu cầu về nội dung, hình thức của văn bản thư trao đổi về một vấn đề bằng sơ đồ hoặc bảng biểu.

Giáo viên chia lớp làm 4 nhóm, các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập số 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | |  |
|  | |  |
| **Hình thức** | |  |
| Mở đầu |  |  |
| Nội dung |  |  |
| Kết thúc |  |  |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | |
| Nêu được vấn đề cần quan tâm, trình bày được ý kiến về vấn đề | |
| **Hình thức** | |
| Mở đầu | Nêu địa điểm, thời gian viết thư, danh tính người nhận, lời chào mở đầu |
| Nội dung | Trình bày ý kiến trao đổi về vấn đề. |
| Kết thúc | Lời chào tạm biệt, danh tính người viết thư. |

**\* Nội dung 5. Hướng dẫn học sinh thiết kế tờ rơi**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Câu 5. Thiết kế một số tờ rơi thể hiện những điều cần lưu ý về vấn đề chọn trường hoặc chọn nghề, sau đó gửi đến bạn cùng lớp.

( Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm và thiết kế hình thức và nội dung theo ý tưởng mà nhó đã thảo luận)

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh:

Khi chọn trường, hoặc chọn nghề, có một số điều quan trọng cần được xem xét để đưa ra quyết định phù hợp nhất. Học sinh có thể thiết kế tờ rơi theo các ý cơ bản:

- **Tự hiểu biết**: Hãy bắt đầu bằng việc đánh giá sở thích, điểm mạnh, điểm yếu và giá trị của bản thân

- **Tìm hiểu thị trường lao động**: Nghiên cứu về nhu cầu thị trường lao động, cơ hội việc làm trong tương lai và mức thu nhập của ngành nghề bạn quan tâm sẽ giúp bạn đưa ra được quyết định thực tế hơn.

- **Đánh giá chương trình học**: Xem xét cấu trúc khóa học, môn học, cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ giảng dạy ở những ngôi trường mà bạn quan tâm.

- **Cơ hội phát triển nghề nghiệp**: tìm hiểu về cơ hội nghề nghiệp, đặc biệt là cơ hội thực tập, việc làm sau khi ra trường từ mỗi trường bạn cân nhắc.

(Học sinh có thể lên ý tưởng thiết kế, trang trí tờ rơi theo cá tính riêng của mình)

**\* Nội dung 6. Hướng dẫn học sinh trình bày ý kiến về hiện tượng bóp méo sự thật**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ.**

Câu 6. Trình bày ý kiến của bạn về tác hại của việc bóp méo sự thật.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

***Bóp méo sự thật có thể gây ra nhiều tác hại khác nhau và ảnh hưởng rất lớn đến cá nhân, tổ chức và xã hội nói chung:***

**1. Mất lòng tin:** Khi sự thật bị bóp méo, mức độ tin cậy trong thông tin được chia sẻ giữa mọi người giảm đi đáng kể. Điều này có thể dẫn đến việc mất lòng tin lẫn nhau, làm suy yếu mối quan hệ.

**2. Quyết định sai lầm:** Các quyết định dựa trên thông tin không chính xác có thể dẫn đến hậu quả tiêu cực, từ việc lãng phí nguồn lực cho đến hành động không phù hợp với thực tế.

**3. Tác động tiêu cực đến xã hội:** Trong xã hội, sự bóp méo sự thật có thể làm giảm niềm tin vào các tổ chức, chính trị, và thậm chí là hệ thống pháp luật, gây nên nhiều vấn đề xã hội nghiêm trọng.

**4. Ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần:** Người nhận thông tin bị bóp méo có thể cảm thấy phẫn nộ, lo lắng hoặc bất lực, ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần.

**5. Đạo đức và giáo dục:** Nếu bóp méo sự thật trở thành hành vi chấp nhận được, điều này có thể làm suy giảm nền tảng đạo đức của xã hội và ảnh hưởng đến cách thức giáo dục thế hệ tương lai về sự trung thực và tính chính trực.

Tóm lại, việc bóp méo sự thật có thể gây ra những hậu quả phức tạp và dài hạn, làm suy giảm chất lượng của giao tiếp, hệ thống chính trị, xã hội và đạo đức cá nhân.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức để học sinh đọc hiểu một đoạn nhật kí của liệt sĩ Đặng Thùy Trâm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

(Học sinh làm việc cá nhân)

**17.5.68**

*Chiến tranh còn tiếp diễn, chết chóc vẫn diễn ra hàng ngày, từng giờ từng phút, dễ như trở bàn tay vậy. Mới tối qua Thìn và anh Sơn còn cùng bọn mình trò chuyện. Thìn còn dặn Lệ mua vải may áo, đêm nay hai người ấy chỉ còn là hai cái xác nằm dưới nắm đất của đất Đức Phổ mà lần đầu họ đặt chân đến ấy rồi. Chết quá dễ dàng, không có cách nào đề phòng được những tổn thất ấy cả. Buồn làm sao!*

*Liên nói vậy mà đúng: Hãy sống với nhau bằng tình thương chân thành đi kẻo rồi hối hận khi bạn mình đã chết rồi mới nghĩ rằng hồi còn sống mình đã không thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Riêng mình đã làm như vậy. Mà thật ra xưa nay mình vẫn giàu tình thương với tất cả mọi người, một tình thương yêu rộng rãi nhưng rất đỗi chân thành. Tất cả bệnh nhân trong bệnh xá này trong những lúc đau ốm nặng mình đều đến với họ bằng tinh thần trách nhiệm, bằng tình thương thắm thiết đó cho nên dù xa lạ bao nhiêu rồi cũng thấy có một cái gì gắn bó với người thầy thuốc mà họ thấy rất gần với họ ấy. Họ gọi mình bằng hai tiếng "Chị Hai", họ xưng em mặc dù lớn tuổi hơn mình và họ vui đùa, làm nũng với mình nữa. Giữa những ngày gian khó ác liệt này, mình đã tìm lấy niềm vui, sự an ủi nơi họ. Còn riêng tư, không Thuỳ ơi, đừng nghĩ đến nữa, hãy gạt đi những áng mây đang nhóm lên ở cuối góc trời, đừng đề nó nổi cơn phong ba bão táp giữa tâm hồn Thuỳ nhé*

***(Trích nhật kí Đặng Thùy Trâm - https://ybox.vn/vien-sach-bookademy/trich-sach-nhat-ky-dang-thuy-tram-song-lai-nhung-nam-thang-hao-hung-cua-dan-toc)***

**Câu 1.** Xác định thể loại của văn bản?

**Câu 2.** Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản

**Câu 3.** Chỉ ra những căn cứ để xác định văn bản trên là thể loại nhật kí

**Câu 4.** Chỉ ra ba ngôn ngữ thân mật được sử dụng trong văn bản?

**Câu 5.** Anh/chị có nhận xét gì về con người của tác giả qua văn bản trên.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi, các học sinh khác lắng nghe và bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

**Câu 1. Thể loại:** nhật kí

**Câu 2. Các phương thức biểu đạt**

- Tự sự, biểu cảm.

**Câu 3. NHững căn cứ xác định văn bản trên là thể loại nhật kí**

- Không gian: Đức Phổ

- Thời gian: 17/5/1968

- Con người: Nhân vật Thùy, Thìn, Lệ

- Sự kiện: Sự hi sinh của Thìn, Lệ, chiến tranh còn tiếp diễn.

**Câu 4. 3 ngôn ngữ thân mật được sử dụng trong đoạn trích**

- *Buồn làm sao*

- *còn riêng tư, không Thuỳ ơi.*

*- đừng đề nó nổi cơn phong ba bão táp giữa tâm hồn Thuỳ nhé*

**Câu 5. Nhận xét về con người của tác giả**

- Là nữ chiến sĩ kiên trung, giàu tình cảm, nhận thức rất sâu sắc về sự khốc liệt của cuộc chiến. Là hình ảnh tiêu biểu đại diện cho một thế hệ anh hùng.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học tự rèn thói quen ghi lại những sự kiện, những khoảnh khắc đáng nhớ

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức, kĩ năng và trải nghiệm thực tế để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:**  Học sinh có được cuốn nhật kí của riêng mình

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Vận dụng kiến thức đã học để viết xây dựng một cuốn nhật kí để lưu lại những sự kiện và cảm xúc quan trọng của bản thân

(Học sinh làm việc cá nhân)

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo thảo luận**

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Phóng sự** | **Nhật kí** |
| **Giống nhau** |  | |
| **Khác nhau** |  |  |
|  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Một số yếu tố hư cấu** | **Chủ đề** | **Cảm hứng chủ đạo** |
| **Con gà thờ** |  |  |  |
| **Trên những chặng đường hành quân** |  |  |  |
| **Cái giá trị làm người** |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | |
|  | |
| **Hình thức** | |
| Mở đầu |  |
| Nội dung |  |
| Kết thúc |  |